Phu Hung
FUND MANAGEMENT

ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (PHVSF)

Tháng 8 / 2022

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 1
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 3
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 7
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ 7
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 7
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 7
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán 7
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ 8
Điều 6. Công ty quản lý quỹ 8
Điều 7. Ngân hàng giám sát 8
Chương II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 9
Điều 8. Mục tiêu đầu tư 9
Điều 9. Chiến lược đầu tư 9
Điều 10. Hạn chế đầu tư 10
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ 12
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư 12
Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 14
Điều 13. Nhà đầu tư 14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 14
Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư 16
Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở 17
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ 21
Điều 18. Giá bán, giá mua lại 22
Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại 23
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ 24
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 25

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư 25
Điều 22. Đại hội nhà đầu tư bất thường 25
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư 26
Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư 27
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 28
Điều 25. Ban đại diện quỹ 28
Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 28
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 29
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ 29
Điều 29. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 30
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ. 30
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ 31
Điều 32. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 31
Điều 33. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 31
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 32
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 32
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 32
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 35
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 36
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 38
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát 38
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát 38
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát 39
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát 40
Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 42
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền 42
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 42
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 42
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 43

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 44
Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH 45
Điều 47. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở 45
Điều 48. Hoạt động của Đại lý phân phối 45
Điều 49. Hoạt động của đại lý ký danh 46
Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ 47
Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 49
Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán 49
Điều 52. Năm tài chính 49
Điều 53. Chế độ kế toán 49
Điều 54. Báo cáo tài chính 49
Điều 55. Báo cáo khác 49
Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 50
Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 50
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 50
Điều 58. Nguyên tắc, phương pháp và quy trình xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 50
Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà đầu tư 52
Chương XII. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 54
Điều 60. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát 54
Điều 61. Thu nhập của Quỹ 54
Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ 55
Điều 63. Chi phí khác 55
Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ 56
Chương XIII. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 57
Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ 57
Điều 66. Chia, tách Quỹ 57
Điều 67. Giải thể Quỹ 57
Chương XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 60

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ 60
Chương XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 61
Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư 61
Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 62
Điều 71. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành 62
Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 64
Phụ lục 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 66
Phụ lục 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 67
Phụ lục 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ 68
Phụ lục 5: BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ ỦY QUYỀN 72
Phụ lục 6: NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN 75

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam (PHVSF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/ 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/ 01/2021;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
5. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
8. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
9. Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
10. Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
11. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Quản lý quỹ;
12. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
13. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
14. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
15. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

16. Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 07/8/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
17. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ"	Là Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam (gọi tắt là Quỹ PHVSF), là một quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ quỹ.
"Công ty quản lý quỹ"	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (hay gọi tắt là PHFM) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng được Nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	Nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003 hoặc bất kỳ Ngân hàng Giám sát nào khác được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định và nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam.
"Điều lệ Quỹ PHVSF"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Đơn vị quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ mà Nhà đầu tư đang sở hữu.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư và được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối.

"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị chứng chỉ quỹ được mua lại và được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ trước khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá, được gọi tắt là "NAV".
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều Lệ Quỹ.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ (*Ngày T*).
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là tổ chức được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan
"Đại lý phân phối"	Là tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
"Đại lý ký danh"	Là Đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sổ phụ.
"Tổ chức cung cấp báo giá"	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	Phu Hung Vietnam Select Investment Fund
Tên viết tắt:	PHVSF
Địa chỉ liên hệ:	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 5413 7991
Website:	www.phfm.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được chính thức hoạt động kể từ khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ PHVSF là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, hệ thống pháp luật hiện hành và các quy định trong Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội nhà đầu tư.
4. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều Lệ này và quy định pháp luật.
5. Công ty quản lý quỹ do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
6. Ngân hàng Giám sát do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn điều lệ dự kiến huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu

là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành 5.000.0000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười nghìn) VNĐ.

2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
3. Số lượng chứng chỉ quỹ được phép phát hành hay lưu hành tối đa không bị giới hạn trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải báo cáo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

1. Quỹ PHVSF chỉ định của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát triển Chứng chỉ Quỹ.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/12/2007
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 5413 7991

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số:	0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:	106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
Địa chỉ trụ sở chính:	66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(+8428) 3821 8812 Fax: (+8428) 3914 4714

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ này.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

e. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

f. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và

mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

4. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
   a. Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
   b. Trong trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, Công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban Đại diện quỹ xem xét, quyết định.
5. Trong trường hợp Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thì phải đáp ứng các nguyên tắc sau:
   a. Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận và cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
   b. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
   c. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản quy định tại khoản 3 Điều này và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
   d. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
   e. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều Lệ này.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ PHVSF phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:
   a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.
   b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   c. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, đ và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;

e. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;

g. Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ PHVSF;

i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, đ, e, f và i khoản khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;

c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công ty quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ theo các quy định sau:

a. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân như quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp.

b. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

c. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

4. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.

2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 (ba mươi) ngày.

3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ

Quỹ sẽ tiến hành chọn lựa các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt, đồng thời xem xét mức độ tín nhiệm cũng như hạn mức tín dụng phân bổ cho từng tổ chức tín dụng.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu, công cụ nợ

Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô

hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ đáp ứng với mục tiêu của Quỹ, cũng như đưa ra các quyết định phân bổ danh mục chứng khoán nợ phù hợp trong từng thời kỳ. Đặc biệt đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ tiến hành phân tích cơ bản để lựa chọn chứng khoán nợ của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính lành mạnh, dòng tiền ổn định, rủi ro tín dụng thấp và được xếp hạng tín nhiệm tốt nhằm gia tăng giá trị cho danh mục, nhưng vẫn đảm bảo giảm thiểu rủi ro.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Quỹ sẽ thực hiện phân tích cơ bản trong việc lựa chọn các cổ phiếu để đầu tư. Quỹ sẽ tập trung vào các cổ phiếu của doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, dựa trên các tiêu chí: tình hình tài chính, khả năng tăng trưởng, tính ổn định và tăng trưởng của dòng tiền, cũng như chất lượng quản trị của công ty.

Cả hai cách tiếp cận từ trên xuống (top-down) và từ dưới lên (bottom-up) được kết hợp linh hoạt để Quỹ nắm bắt được các cơ hội đầu tư tiềm năng, vừa đảm bảo mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, vừa hạn chế các rủi ro ở mức độ cho phép. Đối với cách tiếp cận top-down, Quỹ sẽ bắt đầu bằng việc phân tích tổng thể nền kinh tế, kế đến là phân tích các ngành để lựa chọn những ngành tiềm năng, tiếp đó là lựa chọn các doanh nghiệp trong ngành. Đối với các tiếp cận bottom-up, Quỹ sử dụng phân tích cơ bản và các mô hình định giá doanh nghiệp để lựa chọn các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, tiềm năng tăng trưởng tốt, đang được định giá thấp để đầu tư. Sau khi đã hình thành danh mục đầu tư, Quỹ tiếp tục tích cực theo dõi các cổ phiếu trong danh mục và chủ động tái cơ cấu khi cần thiết để đạt mục tiêu tăng trưởng dài hạn và giảm thiểu rủi ro.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ đầu tư khác

Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể để nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Quỹ và đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu chứng chỉ quỹ PHVSF. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.
3. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ và trở thành Nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:
   a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ;
   b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ còn lại;
   c. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ;
   d. Khởi kiện Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức có liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
   e. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
   f. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
   g. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
   h. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
   i. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
   j. Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau:
   a. Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   b. Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo đúng thời hạn quy định và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
   c. Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà Đầu Tư theo quy định;
   d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
   a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
   b. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
      - Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
      - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
      - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
   c. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
   d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp thông báo mời họp Đại hội nhà đầu tư có quy định thời hạn khác;
   e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn

cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
   b. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
   c. Thông tin về Nhà đầu tư:
      - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: họ và tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh
      - ; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài); số lượng chứng chỉ quỹ; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
      - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
   d. Ngày lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư.
3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Quỹ PHVSF, quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.
4. Nếu có thay đổi thông tin Nhà đầu tư trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thông báo kịp thời thông tin mới bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để cập nhật vào Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư. Việc

thay đổi thông tin của Nhà đầu tư chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nhận được thông báo thay đổi thông tin mới này. Trong mọi trường hợp, Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào từ việc không nhận được thông báo thay đổi thông tin của Nhà đầu tư.

Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức không ít hơn 02 (hai) lần trong một tháng.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:
   a. Chứng chỉ Quỹ PHVSF được giao dịch mỗi tuần một lần, vào ngày thứ Năm hàng tuần ("Ngày giao dịch" hay "Ngày T").
   b. Trong trường hợp Ngày giao dịch định kỳ nêu trên rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp gần nhất, trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác. Nếu ngày làm việc gần nhất rơi vào 01 (một) ngày trước Ngày giao dịch định kỳ tiếp theo thì giao dịch sẽ được thực hiện tại Ngày giao dịch định kỳ tiếp theo đó. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trước ít nhất 01 (một) tháng về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc qua email.
   c. Việc tăng tần suất giao dịch (nếu có) sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất, cập nhật phần thay đổi này vào Bản cáo bạch và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
   d. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu 02 (hai) lần trong một tháng theo quy định của pháp luật.
3. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ
   a. Nhà đầu tư tiến hành các thủ tục và hồ sơ liên quan đến thủ tục mở tài khoản tại các Đại lý phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở. Nhà đầu tư có thể mở theo một trong hai dạng sau: (i) tài khoản của Nhà đầu tư (đứng tên Nhà đầu tư) hoặc (ii) tiểu khoản của Nhà đầu tư (tài khoản giao dịch trên tài khoản ký danh đứng tên của đại lý ký danh).
   b. Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở (Phiếu đăng ký) và các giấy tờ theo quy định trong Phiếu đăng ký theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cập nhật cho các Đại lý phân phối những thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ.
   c. Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Các tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập.
   d. Nhà đầu tư nộp Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở (Lệnh mua) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu

tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối được được công bố và cập nhật trong Bản cáo bạch. Các Đại lý phân phối thực hiện tổng hợp, thẩm định thông tin nhận biết Nhà đầu tư và người được hưởng lợi (nếu có) theo quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, sau đó tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin này cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Công ty quản lý quỹ/Đại lý phân phối được quyền từ chối các hồ sơ không đầy đủ thông tin hoặc không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ.

e. Phiếu đăng ký và Lệnh mua được soạn thảo để Công ty quản lý quỹ/Đại lý phân phối có thể tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng (KYC) và phòng chống rửa tiền (AML). Do đó, Nhà đầu tư cần cung cấp thông tin đầy đủ và trung thực trên Phiếu đăng ký và Lệnh mua. Nhà đầu tư có thể phải cung cấp thông tin bổ sung theo quy định của pháp luật Việt Nam về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư có nguồn gốc hợp pháp và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của số tiền đầu tư.

f. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình và các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác của Việt Nam.

g. Nhà đầu tư nước ngoài cần mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam (tài khoản IICA) và cần xin cấp 01 (một) mã số giao dịch chứng khoán. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư về nước và các hoạt động liên quan đến giao dịch đầu tư gián tiếp đều phải được thực hiện thông qua tài khoản này. Quy định pháp luật liên quan đến Nhà đầu tư nước ngoài có thể thay đổi theo từng thời điểm. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

h. Công ty quản lý quỹ/Đại lý phân phối có quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Phiếu đăng ký/Lệnh mua nào theo các điều khoản của Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các quy định về KYC, AML. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ/Đại lý phân phối từ chối Lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi suất) cho Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và sau khi Công ty quản lý quỹ đã thông báo cho Đại lý chuyển nhượng. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

4. Lệnh mua chứng chỉ quỹ

a. Giá trị mua tối thiểu là 1.000.000 (một triệu) đồng.

b. Nhà đầu tư hoặc người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

c. Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua x (1- Giá dịch vụ phát hành(%)) / NAV của đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch

Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

5. Lệnh bán chứng chỉ quỹ

a. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là 100 (một trăm) đơn vị quỹ.

b. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản Nhà đầu tư là 100 (một trăm) đơn vị quỹ. Lệnh bán của Nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi Nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiểu khoản quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

c. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ này.

d. Thời hạn thanh toán không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

e. Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định tại "Phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở". Phí Ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền giao dịch bán này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

f. Nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật.

g. Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

Giá trị tiền bán được nhận = Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại x NAV của đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch x (1– Giá dịch vụ mua lại(%)).

h. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định điểm d khoản 4 Điều này, Đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà đầu tư.

i. Các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

j. Công ty quản lý quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chỉ thực hiện khi Công ty quản lý quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện và phải báo cáo Đại hội nhà đầu tư gần nhất;
- Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;

- Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
- Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ.
- Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

6. Giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ

a. Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở khi Công ty quản lý có từ 02 (hai) quỹ mở trở lên.

b. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

i. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;

ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

iii. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại tiết i, ii, điểm b khoản này.

c. Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối.

7. Thời điểm đóng sổ lệnh

Thời điểm đóng sổ lệnh để thực hiện trong Ngày giao dịch (Ngày T) là vào 14h30 ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (Ngày T-1) tại các điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối.

Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước Thời điểm đóng sổ lệnh trong mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ tiếp tục có giá trị thực hiện tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp, trừ trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

8. Phương thức thanh toán

Tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thanh toán bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Đối với các giao dịch trên tài khoản ký danh thì việc thanh toán được thực hiện vào tài khoản của Đại lý ký danh mở tại Ngân hàng giám sát.

Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại lý ký danh đã đăng ký hoặc vào tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.

Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật thông tin chi tiết về phương thức thanh toán tại Bản cáo bạch của Quỹ và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối.

9. Hủy lệnh giao dịch

a. Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc hủy

lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch.

b. Việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sau Thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

i. Lệnh giao dịch được các Đại lý phân phối nhận được sau Thời điểm đóng sổ lệnh;

ii. Tiền mua chứng chỉ quỹ chưa có trong tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trong ngày T-1;

iii. Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.

c. Trường hợp Nhà đầu tư hủy Lệnh mua nhưng số tiền thanh toán Lệnh mua đã được chuyển tới tài khoản của Quỹ thì số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Các phí dịch vụ chuyển tiền phát sinh trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

10. Chương trình đầu tư định kỳ

a. Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (Systematic Investment Plan, gọi tắt là SIP). Theo đó, Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua chứng chỉ quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty quản lý quỹ.

b. Phương thức tham gia và thực hiện chương trình (nếu có) được hướng dẫn chi tiết tại Bản cáo bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi nếu có) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi nếu có) tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ;

b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng; hoặc
- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Giá tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch

2. Trong trường hợp lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ áp dụng việc phân bổ lệnh bán theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 (ba mươi) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

   a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

   b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

   c. Các sự kiện khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

5. Công ty quản lý quỹ báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty quản lý quỹ thông báo cho Nhà đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thực tế, nhưng không được kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

7. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 18. Giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành

   Giá phát hành (giá bán) một đơn vị quỹ là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, giá phát hành được xác định bằng mệnh giá. Tại các kỳ giao dịch tiếp theo, giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ.

2. Giá mua lại

   Giá mua lại một đơn vị quỹ là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ cho giá dịch vụ mua lại.

3. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả Công ty quản lý quỹ khi mua chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc dưới hình thức khác.

4. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả Công ty quản lý quỹ khi bán chứng chỉ quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc dưới hình thức khác.

5. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty quản lý quỹ quản lý

   a. Nhà đầu tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công ty quản lý quỹ khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.

   b. Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.

   c. Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

6. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Thừa kế chứng chỉ quỹ

   a. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

   b. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho Công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

2. Cho tặng chứng chỉ quỹ

   a. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

   b. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.

c. Số lượng chứng chỉ quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu đối với một Lệnh bán chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ trên tài khoản.

3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, động đất, lũ lụt, hoả hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực, … thì Nhà đầu tư phải gánh chịu khoản sụt giảm tương ứng của NAV. Trường hợp NAV của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Việt Nam đồng liên tục trong sáu (06) tháng, Quỹ sẽ bị giải thể như quy định tại Điều 67 Điều Lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp như quy định tại khoản 5 Điều 59 Điều Lệ này.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
   a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
   b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
   c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
   d. Phương án phân phối lợi tức;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
   f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
   g. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
   h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
   a. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần

thiết vì quyền lợi của Quỹ;

b. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong các trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.

3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.

5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn

bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư. Nguyên tắc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản tham khảo tại Phụ lục 6.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
   a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
   b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
   c. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán.
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc: Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
   a. Tối thiểu 01 thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
   b. Tối thiểu 01 thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c. Tối thiểu 01 thành viên, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
   a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
   b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c. Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán; hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản; và/hoặc pháp luật.

d. Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

b. Là thành viên của trên 05 (năm) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9, Điều 57 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm g khoản 3, khoản 4 Điều 9 Điều lệ này.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, f, g và h khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.
6. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
3. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với pháp luật hoặc Điều lệ này, gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
   c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
   d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định pháp luật.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban Đại diện quỹ sẽ bị đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Bãi miễn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   b. Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
   c. Bị khởi tố hoặc truy tố;
   d. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
   e. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
   f. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ;
   g. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
   h. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội nhà đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban đại diện quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội nhà đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban đại diện quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.
4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 03 (ba) ngày làm việc.
3. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc các hình thức hợp pháp khác.
4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn.
5. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

Điều 33. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
   a. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
   b. Được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ như Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ uỷ quyền cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
   c. Từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
   d. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
   e. Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ;
   f. Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
   g. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
   h. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
   i. Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
   a. Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
   b. Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
   c. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
- Ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
- Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ: Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
- Trường hợp đầu tư, góp vốn, giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ: Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
- Đảm bảo quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các Quỹ khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của chính Công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
- Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Người điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

đ. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

e. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong một năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định tại điểm e khoản 2 Điều này không áp dụng cho Quỹ trong 06 (sáu) tháng hoạt động đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

f. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
- Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác Sổ đăng ký Nhà đầu tư.
- Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty quản lý quỹ và các quy định tại Điều lệ quỹ.

g. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng một lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.

h. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

i. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

j. Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ nếu xét là cần thiết hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm i khoản 2 Điều này.

k. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

l. Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.

m. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch chứng chỉ quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

n. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

- Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty;
- Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
- Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty với hoạt động quản lý Quỹ.

o. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
   b. Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
   c. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
   d. Tổ chức lại Công ty quản lý quỹ;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ,

quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế Công ty quản lý quỹ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, Công ty quản lý quỹ thay thế gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát xác nhận.

6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho Công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho Công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế Công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trong trường hợp đó, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2,0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công ty quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.

3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
   a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
   b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
   c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
   a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định pháp luật.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà Ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.
4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm; và
6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát
   a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
   b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
   c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
   e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
   f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;

j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

k. Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.

c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

a. Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty quản lý quỹ

thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

e. Giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;

d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp Ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan như Ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp

   Tổ chức được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

   Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

   a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ:

   - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
   - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
   - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

   b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

   - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;
- Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện Quỹ, Đại hội nhà đầu tư của Quỹ, duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

   Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

5. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
   b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
   c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   d. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
   e. Quỹ bị giải thể;
   f. Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   g. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
   h. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất công việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở

1. Tổ chức được Công ty quản lý quỹ lựa chọn làm Đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:
   a. Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty quản lý quỹ.
   b. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật;
   c. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhập thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.
3. Công ty quản lý quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 48. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Hoạt động của Đại lý phân phối gồm:
   a. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
   b. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tưu tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về luật chứng khoán. Đồng thời bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện

điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

c. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

d. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư, cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

e. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;

f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:

a. Làm đại lý ký danh;

b. Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

Điều 49. Hoạt động của đại lý ký danh

1. Thực hiện chức năng Đại lý phân phối quy định tại khoản 1 Điều 48 Điều Lệ này đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư

2. Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

3. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;

4. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

5. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:

a. Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà đầu tư tại sổ phụ. Các Nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số chứng chỉ quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số chứng chỉ quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của

Nhà đầu tư (nếu có);

b. Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh;

c. Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận uỷ quyền của Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Nhà đầu tư;

d. Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại Ngân hàng Giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

6. Ngân hàng Giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty quản lý quỹ, Đại lý ký danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, đảm bảo:

a. Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b. Tiền (nếu có) của Nhà đầu tư không bị lạm dụng hoặc sử dụng mà chưa được uỷ quyền của Nhà đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm báo cáo UBCKNN và thông báo cho Nhà đầu tư trong thời hạn 24 giờ;

c. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ, Đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà đầu tư.

Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều

lệ quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác, cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các Hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định.

   Trong trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất với Ban đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

   a. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

   b. Được UBCKNN cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;

   c. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và

   d. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 52. Năm tài chính

1. Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 53. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 54. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một công ty kiểm toán độc lập.
3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, từng thành viên Ban Đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 55. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ, NAV trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. NAV của Quỹ và NAV trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo Ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng (để phục vụ công việc báo cáo NAV tháng) và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
3. NAV của Quỹ và NAV trên một chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận NAV phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.
4. Các NAV theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố NAV cho Nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về NAV thực hiện theo mẫu quy định trong Thông tư 98/2020/TT-BTC.
5. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định NAV của Quỹ, NAV trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định NAV được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
2. Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách gồm tối thiểu 03 (ba) tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 58. Nguyên tắc, phương pháp và quy trình xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên một chứng chỉ quỹ, trong đó:
   a. NAV của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài

sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát...) tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá (ngày T-1). NAV được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn NAV của Quỹ được hạch toán vào Quỹ;

b. NAV trên một chứng chỉ quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch gần nhất trước đó.

2. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một đơn vị quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán NAV của Quỹ. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

3. Phương pháp xác định giá trị các tài sản của Quỹ được quy định chi tiết tại Phụ lục 4 Điều lệ này.

4. Quy trình xác định NAV của Quỹ:

a. Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp cung cấp dịch vụ có liên quan xác định NAV của Quỹ, NAV của một chứng chỉ quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 58 Điều Lệ Quỹ.

b. Trước Ngày định giá:

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại chứng chỉ quỹ phát sinh sau Ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại Ngân hàng lưu ký giám sát.
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng.
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày định giá;

Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

c. Tại Ngày định giá:

Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát xác nhận NAV của Quỹ, NAV trên một

đơn vị quỹ.

d. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện NAV bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định NAV.

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện NAV bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định NAV) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

f. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày NAV của Quỹ giảm xuống dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư giao dịch Chứng chỉ quỹ khi định giá sai NAV của Quỹ với các mức sai lệnh từ 1% NAV trở lên. Nhà đầu tư sẽ không được bồi thường nếu giá trị thiệt hại ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) đồng và khoản tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư theo trình tự sau đây:
   a. Xác định lại NAV tại các kỳ định giá sai vượt mức;
   b. Xác định các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà đầu tư tại các kỳ định giá sai;
   c. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ Ngày định giá lại NAV, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, Nhà đầu tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà đầu tư.
   d. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày báo UBCKNN, Công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mốc đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a. Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà đầu tư đã bán.
   b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a. Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ

sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.

b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

5. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

b. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật, hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định khoản 9 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 11 Điều Lệ Quỹ;

c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và khoản 2 Điều 10 Điều Lệ Quỹ.

6. Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quỹ.

7. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này được thực hiện thông qua Ngân hàng Giám sát. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với Ngân hàng Giám sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho Nhà đầu tư và Quỹ.

8. Việc bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ phải được Công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng Nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi Nhà đầu tư, mức đền bù cho Quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

CHƯƠNG XII. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 60. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

   a. Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

   Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% NAV/năm.

   b. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định.

   c. Trong mọi trường hợp, tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% NAV/năm.

   d. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

   e. Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

   Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

   f. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng được xác định như sau:

   Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày thực tế từ đầu tháng đến Ngày Định Giá /số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

   Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

   Mức Giá dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục 5 của Điều Lệ Quỹ.

Điều 61. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

- Cổ tức;
- Lãi trái phiếu;
- Lãi tiền gửi;

- Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- Các khoản thu nhập khác.

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty quản lý quỹ: Theo khoản 1 Điều 60 Điều lệ quỹ.
2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng giám sát: Theo khoản 2 Điều 60 Điều lệ quỹ.
3. Giá dịch vụ quản trị quỹ trả cho Ngân hàng giám sát:
   a. Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 15 triệu đồng/tháng.
   b. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   c. Công thức tính Giá dịch vụ Quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

      Giá dịch vụ Quản trị Quỹ cho kỳ định giá = tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
   d. Trường hợp phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được xác định như sau:

      Giá dịch vụ Quản trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến Ngày Định Giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ Quản trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (356 hoặc 366)].
4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ: quy định chi tiết tại Phụ lục 5 Điều lệ quỹ.
5. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
6. Chi phí tư vấn dịch vụ pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;
10. Thù lao cho Ban đại diện quỹ
11. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ)
12. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.

Điều 63. Chi phí khác

1. Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông

tin của Quỹ theo quy định pháp luật; Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

2. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận được phân chia cho Nhà Đầu tư theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật.
2. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
   a. Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
   b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện quỹ quyết định);
   c. Công ty quản lý quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và NAV của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
   d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Việc hợp nhất sáp nhập Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và phải được UBCKNN chấp thuận.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ được tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày để hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập, trừ trường hợp mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối việc hợp nhất, sáp nhập.
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sap nhập có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện các lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.

Điều 66. Chia, tách Quỹ

1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và phải được UBCKNN chấp thuận. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách Quỹ bao gồm:
   a. Phương án chia, tách Quỹ;
   b. Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.
2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thay mặt Quỹ hoàn trả đầy đủ tất cả các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Quỹ trước khi chia, tách Quỹ.
3. Ngày chia, tách Quỹ là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định chia, tách Quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấp thuận chia, tách Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm chia, tách danh mục đầu tư của Quỹ và thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu các tài sản cho các quỹ mới hình thành sau chia, tách theo quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của các quỹ hình thành sau chia, tách có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm:
   a. Hoàn tất việc lập sổ chính sổ phụ của các quỹ mới hình thành sau khi chia, tách;
   b. Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ sau chia, tách;
   c. Xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ từng Nhà Đầu Tư sau chia, tách;
   d. Công bố thông tin về việc chia, tách Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
2. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau:

a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện giải thể hoặc Giấy phép bị thu hồi;

b. Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

d. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng.

3. Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

a. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;

b. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;

c. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

4. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

a. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

b. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

c. Các tài sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 98/2020/TT-BTC;

5. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Qúa thời hạn nêu trên, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoàn trả danh mục của Quỹ cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm thực hiện thanh lý giải thể Quỹ theo quy định tại điều 12 Thông tư 98/2020/TT-BTC và khoản 3, 4 và 5 Điều 67 Điều Lệ Quỹ.

7. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có), Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

8. Kể từ ngày giải thể Quỹ cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho nhà đầu tư về NAV, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành

kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

9. Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có), các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm các nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
   a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
   b. Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
   a. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối; hoặc
   b. Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về các nội dung sau đây của Quỹ:
   a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý;
   b. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
   c. Báo cáo hoạt động đầu tư;
   d. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ.
3. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin bất thường về Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
   a. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng;
   c. Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ chào bán không thành công;
   d. Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;
   e. Thay đổi, bổ nhiệm mới người nội bộ của Quỹ; có quyết định khởi tố người nội bộ của Quỹ;
   f. Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của Quỹ;
   g. Sự kiện khác theo quy định của pháp luật.
4. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.
5. Các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà đầu tư. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố

thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 71. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 15 Chương, 71 Điều được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày..... tháng..... năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này và các phụ lục đính kèm.
2. Các Nhà Đầu tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều Lệ Quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Điều Lệ quỹ được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
   - 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
   - 02 (hai) bản lưu tại văn phòng Quỹ;
   - 01 (một) bản lưu tại văn phòng Công Ty Quản Lý Quỹ;
   - 01 (một) bản lưu tại văn phòng Ngân Hàng Giám Sát.
5. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.
6. Điều Lệ Quỹ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ cho Quỹ.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam
8. Đính kèm Điều lệ này là các Phụ lục sau:

   Phụ lục 1. Cam kết của Công ty quản lý quỹ

   Phụ lục 2. Cam kết của Ngân hàng giám sát

   Phụ lục 3. Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát

   Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ

   Phụ lục 5. Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ ủy quyền

Phụ lục 6. Nguyên tắc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LU, HUI HUNG

Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007

Cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin

được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

LÚ, HUI HUNG

Phụ lục 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHĐLK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Sơn

Phụ lục 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHĐLK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

LU, HUI HUNG

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

Phụ lục 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá sau; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc

		- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
13.	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương thức định giá liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp cần áp dụng một phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới nhưng được đánh giá là thích hợp hơn trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, Công ty quản lý quỹ sẽ phải xin phê duyệt của Ban đại diện Quỹ.
- Các phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận được quy định chi tiết tại Sổ tay định giá.
- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.

– Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LU, HUI HUNG

Phụ lục 5: BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

1. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ

STT	Loại phí	Mức phí (chưa bao gồm VAT)			Ghi chú
		Phí	Tối thiểu	Tối đa	
1.	Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
1.1	Dịch vụ lưu ký	0,05% * NAV tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ/365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)	15.000.000 đồng/quỹ/tháng		
1.2	Dịch vụ giám sát	0,02% * NAV tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ/365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)	5.000.000 đồng/quỹ/tháng		Thuế VAT 10%
2	Giá dịch vụ quản trị quỹ	0,03% * NAV tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ/365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)	15.000.000 đồng/tháng		Thuế VAT 10%
3	Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản, phong tỏa, cầm cố... chứng khoán niêm yết	Theo biểu phí của VSD trong từng thời kỳ			Thu hàng tháng
4	Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ giao dịch				Thu theo từng lần phát sinh giao dịch thành công
5.1	Đối với đầu tư chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng khoán	0,03%*tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày	50.000 đồng	10.000.000 đồng	

	chuẩn bị niêm yết, giao dịch CK lô lẻ,				
5.2	Đối với trái phiếu, chứng khoán OTC và đầu tư khác:	0,01%*tổng giá trị giao dịch trong ngày	100.000 đồng	10.000.000 đồng	
5.3	Đối với các khoản đầu tư tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi:	100.000 đồng/ ngày phát sinh giao dịch			
5	Giá dịch vụ giữ hộ (gửi tại chi nhánh)	Miễn phí			
6	Giá dịch vụ chuyển NHGS khác	20.000.000 đồng/quỹ			

2. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Công ty quản lý quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ với mức giá dịch vụ như sau:

2.1. Tiền Đại lý chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu NĐT - Duy trì thông tin tài khoản NĐT	Miễn phí
3	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
4	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng CCQ đang lưu hành	Miễn phí

	- Thông tin danh sách NĐT sở hữu CCQ	
5	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	 1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

2.2. Tiền khác:

Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền CTQLQ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được Hai bên thống nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LU, HUI HUNG

Phụ lục 6: NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

1. Các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết: theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo những nguyên tắc sau:

2.1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Phân bổ quyền: 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết và trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.
- Các vấn đề đưa ra biểu quyết bằng văn bản được thông qua khi có nhiều hơn 50% tổng số đơn vị quỹ của Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.
- Ngoại trừ trường hợp biểu quyết để quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ thì chỉ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số đơn vị quỹ của Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.

2.2. Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: là tổng số phiếu lấy kiến Nhà Đầu tư được Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà Đầu tư của quỹ theo danh sách chốt tại ngày được thông báo.

2.3. Tổng số phiếu biểu quyết thu về: là tổng số phiếu lấy kiến Nhà Đầu tư gửi về Công ty quản lý quỹ để thể hiện kiến của mình về nội dung xin ý kiến.

2.4. Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu tư sẽ được thông báo cụ thể trong nội dung phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.

2.5. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết do Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà Đầu tư;
- Phiếu không bị tẩy xóa, sữa chữa, thay đổi nội dung;
- Phiếu biểu quyết được ký bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- Phiếu biểu quyết được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy kiến Nhà Đầu tư.

2.6. Ý kiến biểu quyết hợp lệ:

Nhà Đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin vào phần còn trống và chỉ đánh dấu (√) vào duy nhất một lựa chọn "Nhất trí"; "Không nhất trí" hoặc "Không có ý kiến" để biểu quyết cho các nội dung xin ý kiến theo thẩm quyền của việc xin ý kiến bằng văn bản.

2.7. Kết quả kiểm phiếu: được tổng hợp trên phiếu biểu quyết hợp lệ của Nhà Đầu tư.

2.8. Biểu quyết thông qua & Biểu quyết không thông qua:

Ý kiến biểu quyết "Nhất trí" thì được xem là biểu quyết thông qua. Ý kiến biểu quyết "Không Nhất trí" hoặc "Không có ý kiến" thì được xem là biểu quyết không thông qua.

2.9. Không tham gia biểu quyết:

Phiếu lấy kiến Nhà Đầu tư đã được gửi đến Nhà Đầu tư nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ Nhà Đầu tư cung cấp không chính xác, hoặc các phiếu lấy kiến Nhà Đầu tư được gửi về Công ty quản lý quỹ theo địa chỉ đã thông báo nhưng sau thời hạn ngày nhận cuối cùng; hoặc các phiếu Nhà Đầu tư không gửi về thì được xem là không tham gia biểu quyết các nội dung lấy kiến.

2.10. Tổng hợp kết quả: Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết cho từng vấn đề và lập Biên bản kiểm phiếu.